

Số: 46/2022/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 11 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định mức hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Nghị quyết ban hành Quy định mức hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Báo cáo thẩm tra

của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
4. Hiệu lực thi hành
 - a) Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2022.
 - b) Khi các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng theo Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Trang tin VP.Đoàn ĐBQH&HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Nghiêm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

*(Kèm theo Nghị quyết số 46. /2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức hỗ trợ cụ thể một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn các huyện và thị xã Bình Minh tỉnh Vĩnh Long thực hiện theo Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Thông tư 53/2022/TT-BTC).

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để triển khai các nội dung, nội dung thành phần của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nguồn ngân sách địa phương, gồm ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật và nguồn tài trợ, hỗ trợ khác của các tổ chức, cá nhân (nếu có).

Chương II **QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ CỤ THỂ**

Điều 4. Mức hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương áp dụng theo Điều 6 Nghị quyết 203/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ cụ thể tại các Điều 4, 5, 6 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Điều 5. Mức hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở

1. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương là 100% chi mua sắm mới thiết bị của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Ngân sách cấp huyện chi sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất của các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông: Mức chi theo thực tế phát sinh do ngân sách cấp huyện hỗ trợ.

Điều 6. Mức hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, quy mô ấp

1. Chi hỗ trợ thực hiện mô hình xử lý nước thải quy mô hộ gia đình, quy mô ấp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương: Là 50% kinh phí thực hiện mô hình quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Mức hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

1. Hỗ trợ chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng (lần đầu) cho các cá nhân, tổ chức: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa 100% kinh phí, nhưng không quá 6.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng cây ăn trái có diện tích từ 10 ha trở lên), không quá 5.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng lúa có diện tích từ 10 ha trở lên); không quá 5.000.000 đồng/mã số (đối với vùng trồng rau củ quả thực phẩm có diện tích từ 05 ha trở lên). Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) và nông nghiệp hữu cơ (hoặc các tiêu chuẩn tương đương).

2. Hỗ trợ chi phí truy xuất nguồn gốc (lần đầu) các sản phẩm chủ lực xã, huyện, tỉnh: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa 100% kinh phí, nhưng không quá 20 triệu đồng/cơ sở.

Điều 8. Mức hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp

Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết 220/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; nhưng tối đa không quá mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 9. Mức hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

1. Nội dung hỗ trợ cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương tối đa 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho một cơ sở, tổ chức, cá nhân theo dự án/mô hình được cấp thẩm quyền phê duyệt theo các nội dung tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Mức hỗ trợ bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn

1. Nội dung hỗ trợ áp dụng theo Quyết định số 801/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ưu tiên chi mua sắm trang thiết bị, trang trí điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương tối đa 50% kinh phí thực hiện nhưng không quá 30 triệu đồng/làng nghề; mỗi làng nghề hỗ trợ một (01) lần.

Điều 11. Mức hỗ trợ thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

1. Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền:

a) Nội dung chi cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương là 50% kinh phí thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi hỗ trợ triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này.

Điều 12. Mức hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

1. Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương.

Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể như sau:

a) Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh: 1.000 triệu đồng/thiết chế.

b) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 500 triệu đồng/thiết chế.

c) Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế. Riêng đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới đã được hỗ trợ thiết chế văn hóa thì không được hỗ trợ theo Nghị quyết này.

d) Nhà văn hóa ấp, cụm văn hóa liên ấp: 50 triệu đồng/thiết chế.

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho thư viện cấp huyện; tủ sách cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã.

Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể như sau:

a) Thư viện, tủ sách tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện: 100 triệu đồng/tủ sách.

b) Thư viện, tủ sách xã: 50 triệu đồng/01 tủ sách.

3. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã và kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã từ nguồn ngân sách trung ương: 50 triệu đồng/01 năm.

Điều 13. Mức hỗ trợ tổ chức thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh

1. Chi thực hiện đề án, kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này. Tổng mức hỗ trợ không quá 1.000 triệu đồng/đề án, kế hoạch.

2. Chi hỗ trợ phát triển, nhân rộng mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn phát sinh: Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này. Tổng mức hỗ trợ không quá 500 triệu đồng/mô hình.

Điều 14. Mức hỗ trợ xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này. Tổng mức hỗ trợ không quá 1.000 triệu đồng/dự án, mô hình.

Điều 15. Mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 31 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này. Tổng mức hỗ trợ không quá 100 triệu đồng/mô hình được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 16. Mức hỗ trợ thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 17. Mức hỗ trợ thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 34 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 18. Mức hỗ trợ tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính..

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này là 50% kinh phí/mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 19. Mức hỗ trợ triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 40 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Quy định này.

Điều 20. Mức hỗ trợ xây dựng mô hình điểm và nhân rộng các mô hình sẵn có nhằm vun đắp, giữ gìn giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính..

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Quy định này. Tổng mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/mô hình.

Điều 21. Mức hỗ trợ thí điểm và nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng, huy động người dân tham gia giám sát của cộng đồng

1. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 45 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương cho các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Quy định này.

